

THƯỜNG THỨC TRUNG QUỐC HỌC

SÁCH SỬ THỂ ĐIỂN CHẾ ĐỒNG ĐẠI (HỘI YẾU): SỰ RA ĐỜI, QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ VỊ TRÍ CỦA NÓ TRONG NỀN SỬ HỌC TRUNG QUỐC

Nền sử học Trung Quốc xuất hiện từ rất sớm. Từ thời nhà Thương (khoảng thế kỷ XVI tr.CN đến năm 1066 tr.CN), lịch sử đã bắt đầu được ghi chép trên những mảnh giáp cốt văn (còn được truyền đến ngày nay). Trong xã hội phong kiến lâu dài, sử học được gọi là Hiển học; nhiều sử gia và trước tác sử học nối nhau xuất hiện qua các thời, để lại cho nhân dân Trung Quốc một di sản văn hóa lịch sử vô cùng quý giá.

Về tổng quan, những điều được ghi chép trong sách sử qua các thời không ngoài điển chương chế độ, diễn biến lịch sử và lời nói, việc làm của các nhân vật lịch sử. Thời thượng cổ, “Tả sử ký ngôn, Hữu sử ký sự”; Khổng Tử san định lục Kinh, coi ký ngôn của sử quan là “Thượng thư”, ký sự là “Xuân thư”. Theo nghĩa rộng, “Lục Kinh đều là sử vậy”; “Lục Kinh đều là chính điển của tiên vương vậy” (Lời Chương Học Thành). Nhưng, mãi đến thời kỳ Chiến quốc (475 -221Tr.CN) mới có điển tịch ghi chép điển chương chế độ thực thụ, như sách *Chu lễ*; mới có danh trước sử học thể biên niên chân chính, như *Tả truyện*.

Từ Mã Thiên khai sáng thể tài sách sử thể truyện ký. Trong trước tác *Sử ký* “Thông cổ kim chi biến” của mình, ông đã dùng các phần Bản Kỷ, Thế gia, Liệt truyện và Biểu để ghi chép về nhân vật và sự kiện; và dùng 8 thiên của phần Thư để ghi chép về điển chương chế độ. *Hán thư* của Ban Cố viết theo thể lệ của *Sử ký*, nhưng chỉ viết lịch sử thời Tây Hán (đoạn đại sử), đồng thời đổi “Thư” thành “Chí”. Kể từ đó, dùng Chí để chuyên ghi chép điển chương chế độ dần trở thành định lệ, được những bộ chính sử các triều sau tuân theo. Sử gia qua các thời vô cùng coi trọng phần Chí (tức Thư), họ gọi nó là “Xương sống của lịch sử” (Sử chi cân cán), và cho rằng đọc sử phải trước tiên đọc Chí; Hơn nữa, theo các sử gia, khi bình luận giá trị của một bộ chính sử cũng phải lấy việc bộ sách đó có hay không có phần Chí, và chất lượng biên soạn phần này thế nào để làm tiêu chí đánh giá. Những quan niệm trên phản ánh sự trọng thị của giới sử gia đối với lĩnh vực điển chương chế độ.

Từ Đông Hán đến Nam, Bắc triều (25-581), thể tài sử học từng bước hướng tới đa

dạng hóa, nhiều tư gia trước thuật, như Ứng Thiệu chú *Hán quan* và soạn *Hán quan nghi*; Vệ Hoàng soạn *Hán cữu nghi*; Khâu Trọng Phù soạn *Hoàng điển*; Hà Dận soạn *Chính lễ*... Những bộ sử trên đều là những trước tác thuộc loại điển chương chế độ. Thời cổ, lễ có tác dụng pháp quy, vì thế “Ngũ lễ”⁽¹⁾ cũng được xem là chế độ quan trọng. Hai nước Tề và Lương thời Nam triều (420-589) đại tu Ngũ lễ, nhiều học giả nổi tiếng như Vương Kiệt, Thẩm Ước, Từ Miễn đều tham gia; theo đó, nhiều loại sách chú có liên quan đến Ngũ lễ khá phổ biến. Hậu thế đã gộp những loại sách sử này thành loại “Cổ sự” (hoặc “Cựu sự”).

Triều Đường là thời kỳ phát triển phần vinh của sử học Trung Quốc. Ngoài 6 bộ chính sử về các triều đại trước được biên soạn vào thời sơ Đường, còn xuất hiện loại sách chuyên ghi chép về điển chương chế độ, như *Đường lục điển* của Lý Lâm Phủ; *Kê điển* của Đường Dĩnh; *Đường điển* của Vương Nhan Uy; *Thái Tông chính điển* của Lý Diên Thọ, và *Chính điển* của Lưu Trật. Đầu thời Đường, giai tầng thống trị cho rằng lấy sử làm gương có thể có ích cho chính sự; và, điển chương chế độ của các triều đại trước có lẽ phản ánh càng trực tiếp việc *quản lý chính sự của các bậc quân vương, càng phản ánh rõ sự lợi hại của chính sách*. Do nguyên nhân trên, sách sử chuyên về điển chương chế độ phát triển nhanh chóng.

Trên cơ sở của *Chu lễ*, *Nghi lễ*, phần “Thư” trong *Sử ký*, phần “Chi” trong *Hán thư*, *Cổ sự*, *Cựu sự* và các loại điển tịch thời sơ Đường - đặc biệt là trước tác *Chính điển* của Lưu Trật -, Đỗ Hựu đã quán thông cổ kim, biên soạn bộ *Thông điển* gồm 200 quyển, khai sáng ra loại sách thể *điển chế lịch đại*. Đến thời Nam Tống, Trịnh Tiều viết *Thông chí* (chủ yếu là

phần *Nhị thập lược*); thời Nguyên, Mã Doan Lâm viết *Văn hiến thông khảo*. Hai danh trước trên đều thuộc loại sách sử thể điển chế lịch đại, cùng với *Thông điển* của Đỗ Hựu, gọi là *Tam thông*. Hai thời Minh - Thanh lần lượt tục biên *Tam thông*, phát triển thành *Cửu thông*, *Thập thông*. Có điều đến lúc này, “thông” không chỉ có nghĩa là lịch đại (gồm nhiều triều đại) mà còn có hàm nghĩa đồng đại (chỉ một triều đại); ví như 3 trước tác *Thanh thông điển*, *Thanh thông chí*, *Thanh văn hiến thông khảo* cũng được gọi gộp là *Thanh tam thông*.

Còn có một con đường khác cho sự phát triển của loại sách chuyên về điển chương chế độ, đó là sự ra đời của thể Hội yếu, tức sách sử thể *điển chế đồng đại*. Sách Hội yếu xuất hiện vào những năm Đức Tông thời Đường, khi Tô Miện biên soạn 40 quyển *Hội yếu*. Sau này, các triều đại khi biên soạn Hội yếu đều ghi tên triều đại trước 2 từ “hội yếu”, thế là Hội yếu trở thành tên riêng để chỉ loại sách sử thể điển chế đồng đại.

Hội yếu của Tô Miện ra đời phản ánh “sự kế thừa chính sự của quốc triều”, ghi chép điển chương chế độ trong 9 triều vua - từ Đường Cao Tổ đến Đường Đức Tông, gồm 40 quyển. Thời Đường Tuyên Tông, nhóm Thôi Huyền được lệnh chủ trì soạn *Tục hội yếu*, ghi tiếp điển chương chế độ từ đời Đức Tông đến năm Đại Trung thứ 7 đời Tuyên Tông (853), cũng được 40 quyển. Hai bộ Hội yếu này đều do người đương đại ghi chép chế độ đương đại, nên có đặc sắc riêng. Sau buổi giao thời giữa Ngũ đại và Sơ Tống (960-979), Vương Phổ lại tiếp tục ghi chép bổ sung điển chế trong 54 năm, từ năm Đại Trung thứ 8 đời Tuyên Tông đến năm triều Đường diệt vong (907). Trong trước tác này, Vương Phổ đã định ra thể lệ, đồng thời chỉnh đốn câu chữ, khảo

đính tư liệu, sưu tầm chỉnh lý 2 bộ Hội yếu kể trên, cuối cùng hoàn thành bộ *Đường hội yếu* gồm 100 quyển. Tiếp đó, Vương Phổ còn căn cứ vào các loại tài liệu nguyên thủy thời Ngũ đại (907-960), biên soạn thành 30 quyển *Ngũ đại hội yếu*. Như vậy, việc sáng lập sách sử thể Hội yếu được bắt đầu bởi Tô Miện, tiếp đến là Thôi Huyền, cuối cùng, người có công hoàn tất nó là Vương Phổ. Trải qua nỗ lực của mấy thế hệ, một thể tài sử học mới - thể Hội yếu mới chính thức được xác lập. Từ đó về sau, *Đường hội yếu*; *Ngũ đại hội yếu* cùng với tân, cựu *Đường thư* và *Ngũ đại sử*, với “Sở trường riêng của mỗi thể tài, nương tựa nhau mà lưu hành” (Các minh nhất nghĩa, tương phụ nhi hành), thể hiện rõ chức năng độc đáo của chúng.

Thời Tống, trong cơ cấu Bí thư tỉnh lập Hội yếu sở để biên soạn sách Hội yếu trên quy mô lớn. Tư liệu được Hội yếu sở thu thập hầu như bao quát tất cả hồ sơ văn kiện của nhà nước thời đó, như “thực lục” trong viện Thực lục; “nhật lịch” trong sở Nhật lịch..., cùng tất cả văn thư của lục bộ ở trung ương và giám ty các lộ ở địa phương. Trong 380 năm, từ năm Khánh Lịch thứ 4 thời Nhân Tông - Bắc Tống (1044) đến năm Đoan Bình thứ 3 thời Lý Tông - Nam Tống (1424), triều Tống tiến hành biên soạn Hội yếu 10 lần, được tất cả 2441 quyển. Đáng tiếc là sau khi triều Tống diệt vong, *Tống hội yếu* bị người Nguyên cướp đoạt, sau đó trải qua chiến loạn, nay không còn nữa. Hiện nay chỉ còn *Tống hội yếu tập khảo* do Từ Tùng biên soạn vào những năm Gia Khánh triều Thanh, từ bộ *Vĩnh lục đại điển*. Nói một cách chặt chẽ, *Tống hội yếu tập khảo* là sự phân loại, tổng hợp những văn kiện quan phương thời Tống; khi biên soạn tuy đã được sắp xếp, chỉnh lý lại nhưng quy mô của nó vẫn vô cùng đồ sộ, và vì vậy đã bảo tồn được

nhiều tư liệu gốc về diễn chương chế độ của các triều Nam - Bắc Tống, có giá trị sử liệu rất cao.

Ảnh hưởng của sách Hội yếu trong hai thời Đường - Tống vô cùng lớn, thể hiện chủ yếu trên hai phương diện: một là việc nhà nước tổ chức biên soạn Hội yếu và phương pháp biên soạn Hội yếu đã trở thành mẫu mực cho các thời sau, như thời Liêu (907-1125) có sách *Khiết Đan hội yếu*; thời Nguyên (1279-1368) cũng mô phỏng sách Hội yếu, có điều thể lệ khác với Hội yếu của hai thời Đường - Tống; hai là, Hội yếu hai thời Đường - Tống đã cung cấp những khuôn mẫu và tư liệu cho sử gia thời sau biên soạn sách sử, ví như trước tác *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm, trên vấn đề thể lệ và sắp xếp môn loại đều được gợi ý từ sách Hội yếu; về nội dung, Mã Đoan Lâm cũng sử dụng phần lớn tư liệu trong các bộ Hội yếu của hai triều trên.

Ngoài ra, dưới ảnh hưởng của loại sách Hội yếu hai triều Đường - Tống, các thời sau đã xuất hiện biệt thể của loại sách này. Cụ thể, sau thời Đường - Tống, nhiều sử gia đã sử dụng tư liệu văn hiến và tài liệu trong các sách sử thời trước để biên soạn Hội yếu các thời. Mở đầu cho thể Hội yếu loại này là *Tây Hán hội yếu* và *Đông Hán hội yếu* của Từ Thiên Lâm thời Nam Tống. *Tây Hán hội yếu* thu thập tài liệu trong *Hán thư*, và được vinh danh là “Công thân của *Hán thư*”; *Đông Hán hội yếu* chủ yếu sử dụng tài liệu trong *Hậu Hán thư*, nhưng có thêm lời chú và những khảo đính ngắn gọn. Hơn nữa, kết cấu môn loại, việc sắp xếp nội dung và thể lệ của nó phần lớn giống với Hội yếu của hai triều Đường - Tống. Đến triều Thanh, loại sách Hội yếu thu thập tài liệu trong sử sách thời trước lại phục hưng, dưới ảnh

hưởng của học phong biên soạn và nghiên cứu sử của học phái Càn Gia⁽²⁾. Người thời Thanh viết sử chú trọng điển chương chế độ và khảo chứng lịch sử qua các thời, cho nên, trước thì họ làm việc bổ sung các phần Chí, Biểu đối với chính sử; sau thì phát triển đến việc biên soạn Hội yếu về điển chương chế độ của một triều đại nào đó. Tuy nhiên, Hội yếu của các thời trước do người thời Thanh biên soạn - trên phương diện thu thập, sử dụng tài liệu và thể lệ - đã có rất nhiều cải tiến và phát triển so với Từ Thiên Lân thời Nam Tống, trong đó có một điều đáng chú ý, đó là việc đưa vào những kiến giải và bình luận của cá nhân người biên soạn trong những lời chú. Những tác phẩm Hội yếu do người thời Thanh soạn, có *Xuân thu hội yếu* của Diêu Nhan Cừ; *Tiên Nghi Cát* và *Dương Thần*, mỗi người đều biên soạn *Tam quốc hội yếu* của riêng mình; *Tấn hội yếu* và *Nam triều hội yếu* (gồm 4 triều Tống, Tề, Lương, Trần) của Chu Minh Bàn; *Minh hội yếu* của Long Văn Bản.

Nói chung, sách Hội yếu có khoảng 15 môn loại, được chia thành hơn 300 mục nhỏ, để cập điển chương chế độ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, pháp luật, văn hóa, v.v... Đối với những thay đổi trên mỗi lĩnh vực thì theo thời gian, sắp xếp dưới các mục nhỏ tương ứng. Sách Hội yếu thường căn cứ vào sử sách, tóm tắt những điều cốt yếu, sau đó khảo đính, phân tích, sắp xếp để tiện cho việc tra cứu. Bởi vậy, sách Hội yếu còn có chức năng như loại sách công cụ và loại sách tổng hợp tư liệu, có tác dụng mà các loại sách sử khác không thể thay thế. Về khuyết điểm ít hoặc nhiều của sách Hội yếu trên phương diện biên soạn và thể lệ, nhân tố quan trọng cố nhiên phụ thuộc vào học thức cao hay thấp của người biên soạn. Song thực ra, bất kỳ thể loại trước tác sử

học nào cũng đều có những hạn chế đặc thù, chúng ta chỉ có thể “gạn đục khơi trong”, sử dụng những gì là sở trường của chúng mà thôi.

ĐÀO DUY ĐẠT biên khảo

CHÚ THÍCH:

1. Ngũ lễ: Thời cổ, “Ngũ lễ” chỉ 5 loại lễ chế là: Cát lễ, Hung lễ, Quân lễ, Gia lễ và Tân lễ. Sách *Chu lễ - Địa quan - Đại tự đồ* viết: “Lấy ngũ lễ phòng việc giả dối của vạn dân và dạy họ” (Dĩ ngũ lễ phòng vạn dân chi ngụy nhi giáo chi trung). Xem: *Từ hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1998, trang 34.

2. Học phái Càn Gia: Là một phái hệ kinh học chú trọng huấn hử, khảo chứng trong thời Càn Long - Gia Khánh triều Thanh (1736-1820). Khởi nguồn cho học phái này là nhà tư tưởng Cố Viêm Võ thời cuối Minh đầu Thanh (1613-1682), khi ông chủ trương mọi lập luận đều phải căn cứ vào kinh sách và lịch sử, nhằm đạt tới mục đích “Làm rõ đạo cứu đời” (Minh đạo cứu thế). Đến thời Càn - Gia, các học giả kế thừa phương pháp huấn hử trong kinh học cổ văn, chuyên chỉnh lý cổ tịch và nghiên cứu ngôn ngữ văn tự, hình thành bộ môn “Phác học” (tức Hán học). Càn Gia học phái chủ yếu chia làm 2 chi lớn là “Ngô phái” và “Hoãn phái”. Học giả của 2 chi đều từ việc hiệu đính kinh sách, mở rộng đến sách sử và các trước tác của chư tử; từ việc giải thích kinh nghĩa mở rộng đến việc khảo cứu lịch sử, địa lý, thiên văn lịch pháp, âm luật, điển chương chế độ và chỉnh lý cổ tịch, sử liệu. Học phái này, vì chủ yếu lấy việc chú kinh điển Hán nho làm tôn chỉ, lại tôn sùng học nghiệp của Hứa Thận, Trịnh Huyền thời Đông Hán nên còn được gọi là “Hán học phái” hoặc “Thanh đại cổ văn kinh học phái”. Xem: *Từ hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1998, tr. 2237.

SÁCH THAM KHẢO

1. Chu Tự Thanh: *Kinh điển thường đàm*, Hoàng đạo văn hóa sự nghiệp hữu hạn công ty, Đài Bắc, 1971.
2. Nhiều tác giả: *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1989.
3. Nhiều tác giả: *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, tập II (bản dịch tiếng Việt), Nxb Văn hóa thông tin, H. 1999.
4. Đào Duy Anh: *Hán - Việt từ điển*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
5. *Từ hải*: Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1998.

